
Bản án số 02/2017/KDTM-PT
Ngày 25/12/2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
cổ phần”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ngọc Hà, ông Trương Minh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Công Thoại - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 26/TB-TLVA ngày 29/06/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần*” đối với Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26A/2017/QĐ-PT ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Lê Thị Minh L.

Địa chỉ: 08 Đường H, phường P, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Ông Đ và bà L đều có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn Ph - Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 31 đường T, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Luật sư Phước có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Công ty cổ phần V Thừa Thiên Huế.

Do bà Lê Thị Kim O - Tổng giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công ty; bà O (trú tại tầng 7, tòa nhà 7 tầng, số 77 đường Ng, quận B, thành phố Hà Nội), có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Trần Văn S, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty cổ phần khách sạn H2.

Bà Trần Thị Ngọc L1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân Đ (Tổng giám đốc Công ty cổ phần khách sạn H2) theo Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2016. Bà L1 trú tại nhà số 08 đường Đường H, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà L1 có mặt tại phiên tòa.

3.2. Ông Lê Văn M, vắng mặt; ông M có Văn bản ngày 19/8/2016 ủy quyền cho bà Lê Thị Kim O (Tổng giám đốc Công ty cổ phần V Thừa Thiên Huế) tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 8/01/2013, Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 26/12/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn Xuân Đ, bà Lê Thị Minh L trình bày:

Ông Đ, bà L là cổ đông của Công ty cổ phần khách sạn H2. Theo **Điều lệ** của Công ty cổ phần khách sạn H2 được thông qua ngày 01/02/2010, thì Công ty có vốn điều lệ 100 tỷ đồng với 1.000.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần; với 05 cổ đông là ông Nguyễn Xuân Đ, ông Đoàn Quốc B1, bà Lê Thị Minh L, ông Lê Minh Q và bà Trần Thị Ngọc L1. Ông Đ sở hữu 848.500 cổ phần, tương đương 84.850.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 84,85% vốn góp; bà L sở hữu 79.000 cổ phần, tương đương 7.900.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 7,90% vốn góp. Tại phiên họp đại hội cổ đông Công ty cổ phần khách sạn H2 ngày 20/3/2011, đã đồng ý cho phép ông Đ, bà L chuyển nhượng 527.500 cổ phần, trong tổng số 848.500 cổ phần ông Đ sở hữu tại Công ty cổ phần khách sạn H2 cho Công ty cổ phần V Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là Công ty V). Ngày 23/3/2011, ông Đ đại diện Công ty cổ phần khách sạn H2 (Bên A) và Công ty V (Bên B) ký **Biên bản ghi nhớ** (Hợp đồng nguyên tắc) số 01/2011/BBGN-KS ngày 23/3/2011 về việc hợp tác thực hiện dự án “*Đầu tư kinh doanh khách sạn H2, tỉnh Thừa Thiên Huế*”). Nội dung hợp đồng (**Biên bản ghi nhớ**) “*Hai bên thỏa thuận cùng nhau tiến hành đầu tư, kinh doanh khách sạn H2 trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mỗi bên theo quy định của pháp luật hiện hành và các điều khoản của Biên bản ghi nhớ này; Các nội dung công việc chi tiết trong dự án sẽ được các bên thống nhất ghi nhận tại hợp đồng mua bán và các văn bản khác theo thỏa thuận; Tổng vốn đầu tư cho dự án là 450 tỷ đồng, trong đó: Bên A góp vốn trị giá 102 tỷ đồng (60% vốn góp), Bên B là 68 tỷ đồng (40% vốn góp), vốn vay Ngân hàng 280 tỷ đồng; Biên bản này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, dấu của cả hai bên... và có hiệu lực đến ngày 18/4/2011; ngày 16*

tháng 3 âm lịch tức là ngày 18/4/2011, hai bên sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng...”. Biên bản ghi nhớ này do ông Đ ký và đóng dấu của Công ty cổ phần khách sạn H2, bà Lê Thị Kim O ký với tư cách là Tổng giám đốc Công ty V và đóng dấu của Công ty V.

Công ty cổ phần khách sạn H2 đề nghị Công ty V chuyển tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần khách sạn H2 mở tại Ngân hàng E-Chi nhánh Huế; nhưng Công ty V không chuyển tiền mà ông M (người của Công ty V) chuyển tiền từ tài khoản cá nhân của ông M vào tài khoản của Công ty cổ phần khách sạn H2 mở tại Ngân hàng V1-Chi nhánh Huế, cụ thể: Ngày 31/3/2011 chuyển 689.000.000 đồng, ngày 31/3/2011 và 06/4/2011 chuyển 4.811.000.000 đồng, ngày 25/04/2011 chuyển 4,5 tỷ đồng, tổng cộng 10 tỷ đồng. Số tiền này, Công ty cổ phần khách sạn H2 đã dùng để chi trả cho hoạt động của Công ty cổ phần khách sạn H2 như thanh toán nợ thuế, nợ vay Ngân hàng, nợ lương nhân viên..vv.

Ngày 18/4/2011, ông Đ, bà L (Bên A) và Công ty V (Bên B) ký **Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần**, theo đó: Bên A chuyển nhượng 527.500 cổ phần phổ thông do ông Đ đứng tên sở hữu tại Công ty cổ phần khách sạn H2 cho Công ty V với tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 52.750.000.000 đồng; phương thức thanh toán bằng chuyển khoản chia làm 2 đợt: Đợt 1: Thanh toán 10.000.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng; Đợt 2: Thanh toán số tiền còn lại 42.750.000.000 đồng trước ngày 01/6/2011; Nếu Bên B chưa thanh toán hết thì phải chịu lãi suất theo lãi suất Ngân hàng E - Chi nhánh Thừa Thiên Huế, thời hạn thanh toán chậm nhất là đến hết ngày 31/12/2011. Việc thanh toán số tiền trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bên A cam đoan đã thông báo, trao đổi rõ với Bên B về ưu điểm, hạn chế và các quyền của số cổ phần là đối tượng của giao dịch. Bên B “...*chấp nhận thực trạng tài chính và Điều lệ của Công ty H2*”; Hợp đồng đã được công chứng theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 18/4/2011, Công ty cổ phần khách sạn H2 cấp Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần và vào Sổ đăng ký cổ đông cho Công ty V.

Ngày 04/5/2011, Công ty cổ phần khách sạn H2 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới với tên gọi Công ty TNHH khách sạn H2 do ông Lê Văn M (người của Công ty V) làm chủ tịch hội đồng thành viên; Công ty V là thành viên Công ty TNHH khách sạn H2 sở hữu 52.750.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ vốn góp 52,75%. Ngày 10/6/2011, Công ty TNHH khách sạn H2 xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới (đổi tên lại thành Công ty cổ phần khách sạn H2), ông Lê Văn M chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 28/9/2012, Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định số 01/QĐ-ĐKKD thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 10/6/2011 và

khôi phục hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/6/2010 (lúc này chưa có sự tham gia của Công ty V; người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần khách sạn H2 là ông Nguyễn Xuân Đ - Tổng giám đốc).

Hết hạn thanh toán, Công ty V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua cổ phần theo đúng quy định của hợp đồng nên ngày 26/12/2012, ông Đ, bà L đã gửi thông báo cho Công ty V tuyên bố hủy hợp đồng; yêu cầu Công ty V bồi thường thiệt hại (tiền lãi) theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng với số tiền là 16.204.800.000 đồng và trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký thông báo, Công ty V phải gặp ông Đ, bà L để giải quyết và thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, hết thời hạn này Công ty V vẫn không gặp mặt để giải quyết như nội dung đã nêu tại thông báo nói trên.

Do vậy ngày 08/01/2013, ông Đ, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy **Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần** ngày 18/4/2011, buộc Công ty V trả ông Đ, bà L lại toàn bộ số cổ phần 527.500 cổ phần đã chuyển nhượng; yêu cầu trả lãi từ ngày 01/6/2011 đến ngày 10/01/2013 là 16.204.800.000 đồng. Ngày 06/5/2013 và 26/12/2013 ông Đ, bà L rút yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, chỉ yêu cầu Công ty V trả lãi từ ngày 01/6/2011 đến ngày 30/9/2012 là 14.227.000.000 đồng như đã thỏa thuận tại Điều 2 của **Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần**.

Về yêu cầu phản tố của Công ty V yêu cầu Ông Bà bồi thường thiệt hại mất thu nhập từ quyền lợi cổ đông thì Ông Bà không đồng ý vì sau khi ký **Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần** ngày 18/4/2011 thì Công ty V không trả tiền mua cổ phần cho Ông Bà và Ông Bà đã ra Thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Bị đơn là Công ty V Thừa Thiên Huế do bà Lê Thị Kim O (Tổng giám đốc Công ty) trình bày:

Công ty V thừa nhận có ký **Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần** ngày 18/4/2011 như ông Đ, bà L trình bày. Từ ngày 31/3/2011 đến ngày 22/12/2011, Công ty V đã chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần khách sạn H2 61.743.895.490 đồng {trong đó 52.750.000.000 đồng là tiền mua cổ phần; 8.993.895.490đ là tiền cho vay, nhưng ông M là người của Công ty V đã nhận lại 1.216.219.000đ nên tiền cho vay còn 7.527.676.490đ}. Như vậy, Công ty V đã hoàn thành đúng cam kết về việc thanh toán tiền nhận chuyển nhượng cổ phần cho ông Đ, bà L trước ngày 31/12/2011 theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của **Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần**. Do vậy, Công ty V đề nghị Tòa án công nhận Công ty V đã thanh toán đủ tiền nhận chuyển nhượng cổ phần cho ông Đ, bà L nên yêu cầu công nhận Công ty V là thành viên nắm giữ 52,75%

vốn điều lệ của Công ty cổ phần khách sạn H2; đồng thời (tại Đơn yêu cầu phản tố ngày 29/11/2013-bl435) Công ty V yêu cầu ông Đ, bà L bồi thường cho Công ty V các thiệt hại như: Mất thu nhập từ quyền lợi cổ đông tạm tính năm 2012, 2013 là 29.012.500.000 đồng; Thanh toán chi phí theo đuổi vụ kiện 1.047.228.000đ và bồi thường thiệt hại về tinh thần cho Công ty V 298.928.909 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần khách sạn H2 do bà Trần Thị Ngọc L1 là đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty cổ phần khách sạn H2 trình bày:

Số liệu trên chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty cổ phần khách sạn H2 và Bảng sao kê do Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Huế cung cấp đều thể hiện tổng số tiền Công ty V và ông Lê Văn M (đại diện Công ty V) chuyển vào Công ty cổ phần khách sạn H2 trong thời gian từ ngày 31/3/2011 đến ngày 22/12/2011 là 61.493.895.490 đồng. So với số liệu Công ty V kê đã chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần khách sạn H2 thì không có số tiền 250.000.000 đồng tại Chứng từ VCB0077 ngày 22/12/2011 và Bảng sao kê do Ngân hàng Ngoại Thương cung cấp không có Chứng từ này. Trong tổng số tiền 61.493.895.490 đồng Công ty V và ông M chuyển vào tài khoản Công ty cổ phần khách sạn H2 thì ông M đã nhận lại 1.216.219.000 đồng nên còn lại 60.277.676.490 đồng. Số tiền Công ty V và ông M chuyển vào đã được Công ty cổ phần khách sạn H2 chi cho hoạt động của Công ty cổ phần khách sạn H2, như: Chi trả gốc, lãi vay Ngân hàng 53.341.420.865 đồng; Chi mua sắm tài sản cố định của Công ty 6.150.000.000 đồng; Chi lương nhân viên 786.255.625 đồng. Số tiền Công ty cổ phần khách sạn H2 chi tạm ứng cho ông Đ được trích từ nguồn doanh thu của Công ty.

Trước khi Công ty V mua cổ phần thì ông Đ (Chủ tịch hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần khách sạn H2), với tư cách cá nhân đã cho Công ty cổ phần khách sạn H2 mượn tiền chi phí hoạt động, tính đến ngày 31/3/2011 là 2.844.036.297 đồng; nhưng từ ngày 31/3/2011 đến ngày 31/12/2011, Công ty đã trả hết nợ cho cá nhân ông Đ và còn cho ông Đ tạm ứng 15.078.344.040 đồng. Việc cho ông Đ tạm ứng có đầy đủ chứng từ và được thể hiện trên tài khoản nợ phải thu tại Sổ kế toán của Công ty cổ phần khách sạn H2 theo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng 52,75% cổ phần là việc riêng của cá nhân ông Đ, bà L với Công ty V, Công ty cổ phần khách sạn H2 không có trách nhiệm trong việc nhận tiền của Công ty V để thanh toán lại cho ông Đ, bà L. Giữa ông Đ, Công ty V và Công ty cổ phần khách sạn H2 không có bất kỳ văn bản nào thỏa thuận về việc ủy quyền thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần giữa vợ chồng ông Đ, bà L với Công ty V.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2014/KDTM-ST ngày 30/7/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận định và quyết định với nội dung tóm tắt như sau:

+ Công ty cổ phần V đã được triệu tập họp lệ 2 lần, nhưng vắng mặt nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Công ty, Công ty có quyền kiện lại nếu còn thời hiệu.

+ Ông Đ, bà L rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền mua cổ phần chưa trả 52.750.000.000 đồng theo lãi suất của Ngân hàng E-Chi nhánh Huế nên đình chỉ đối với yêu cầu này. Buộc Công ty V trả ông Đ, bà L lãi đối với số tiền 52.750.000.000 đồng mua cổ phần chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 01/6/2011-30/9/2012 là 8.110.312.500 đồng.

- Ngày 12/8/2014, Công ty V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 03/2015/KDTM-PT ngày 03/02/2015, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng nhận định và quyết định với nội dung tóm tắt như sau:

+ Công ty V được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2, nhưng vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Công ty V là đúng nên không chấp nhận kháng cáo về vấn đề này.

+ Ông Đ, bà L rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền mua cổ phần chưa trả 52.750.000.000 đồng theo lãi suất của Ngân hàng E-Chi nhánh Huế nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu này là đúng.

+ Sửa bản án sơ thẩm:

Xác định Công ty V đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền mua 527.500 cổ phần là 52.750.000.000 đồng (chiếm 52,75% vốn điều lệ) cho ông Đ, bà L theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 18/4/2011 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà L yêu cầu Công ty V trả lãi đối với là 52.750.000.000 đồng tiền mua cổ phần từ ngày 01/6/2011- 30/9/2012.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà L buộc Công ty V trả lãi do việc chậm trả tiền mua cổ phần từ ngày 01/6/2011-30/9/2011 là 348.583.969 đồng.

- Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Đ, bà L và Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đều có Văn bản đề nghị, kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm bản án phúc thẩm.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm và tại Quyết định giám đốc thẩm số 04/2016/KDTM-GĐT ngày 15/3/2016, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết

định hủy bản án sơ thẩm và hủy bản án phúc thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết sơ thẩm lại.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 79, khoản 5 Điều 87 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 305; Điều 424, Điều 426 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm a, khoản 4 Điều 6 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Xuân Đ, bà Lê Thị Minh L. Buộc Công ty cổ phần V Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Đ bà Lê Thị Minh L số tiền lãi của 52.750.000.000 đồng do vi phạm Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 18/4/2011 tính từ ngày 01/6/2011 đến ngày 10/01/2013 là 16.204.800.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần V Thừa Thiên Huế về các yêu cầu gồm:

+ Về yêu cầu ông Đ, bà L phải bồi thường thiệt hại do bị mất doanh thu tạm tính của năm 2012 và năm 2013 như sau: Năm 2012 là 13.187.500 đồng và năm 2013 là 15.825.000.000 đồng; tổng cộng 29.012.500 đồng;

+ Về chi phí đi lại: Yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường số tiền như sau: Năm 2013: 119.197.000 đồng; Năm 2014: 613.689.000 đồng; Năm 2015: 269.031.000 đồng; Năm 2016: 72.311.000 đồng; tổng cộng 1.047.228.000đồng.

+ Về yêu cầu Công ty H2 phải hoàn trả tiền vay 7.527.676.490 đồng và tiền lãi tính đến tháng 8 năm 2016 là 3.048.708.492 đồng. Tổng cộng là 10.576.384.982 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân Đ bà Lê Thị Minh L không phải chịu nên hoàn lại cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Đ bà Lê Thị Minh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.102.000đ + 200.000đ = 62.302.000 đồng (Biên lai thu tiền số 006176 ngày 24/01/2013 và Biên lai thu tiền 006181 ngày 24/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H1).

Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 164.840.913 đồng, được trừ vào các khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 145.465.000 đồng, gồm: Số tiền tạm ứng án phí 68.656.000 đồng (Biên lai thu tiền số 4943 ngày 27/12/2013 tại Cục Thi hành án tỉnh Thừa Thiên Huế), số tiền tạm ứng án phí 76.609.910 đồng (Biên lai thu tiền số 5248 ngày 18/7/2016 tại

Cục Thi hành án tỉnh Thừa Thiên Huế) và số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Biên lai thu tiền số 5050 ngày 21/8/2014 tại Cục Thi hành án tỉnh Thừa Thiên Huế). Còn phải nộp thêm 19.375.003 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án và tuyên bố quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Tại **Đơn kháng cáo** ngày 08/5/2017 và **Đơn bổ sung đơn kháng cáo** ngày 18/5/2017, Công ty V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Các đương sự {gồm nguyên đơn là vợ chồng ông Đ, bà L; bị đơn là Công ty cổ phần V do bà Lê Thị Kim O đại diện, bà O còn đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần khách sạn H2, do bà Trần Thị Ngọc L1 đại diện theo ủy quyền} và Luật sư của hai bên nguyên đơn, bị đơn xuất trình và nộp cho Hội đồng xét xử các Văn bản do các đương sự xác lập sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án, gồm: **Biên bản họp đại hội đồng cổ đông bất thường** năm 2017 của Công ty cổ phần khách sạn H2 ngày 28/8/2017; **Biên bản họp đại hội đồng cổ động bất thường** của Công ty cổ phần V ngày 29/8/2017; **Thỏa thuận giải quyết** giữa ông Đ, bà L, đại diện Công ty V, đại diện Công ty cổ phần khách sạn H2 và ông Lê Văn M ngày 31/8/2017; **Thỏa thuận giải quyết** số 141217/2017/TTGQ ngày 14/12/2017. Đồng thời trình bày sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm các bên đương sự đã xác lập **Thỏa thuận giải quyết** ngày 31/8/2017 và **Thỏa thuận giải quyết** số 141217/2017/TTGQ ngày 14/12/2017; nay tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự xác định đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có mặt đầy đủ các bên đương sự và các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; thấy rằng thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe các bên đương sự, luật sư trình bày và nêu yêu cầu; sau khi xem xét đề

ngợi của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 18/4/2011, ông Đ, bà L ký **Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần**, chuyển nhượng cho Công ty V 527.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ vốn góp 52,75% thuộc sở hữu của ông Đ tại Công ty cổ phần khách sạn H2 với giá 52.750.000.000 đồng. Theo Công ty V thì Công ty đã trả đủ 52.750.000.000 đồng tiền mua cổ phần cho ông Đ, bà L và còn cho Công ty cổ phần khách sạn H2 vay 7.527.676.490đ. Cùng ngày 18/4/2011, Công ty cổ phần khách sạn H2 đã cấp **Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần** và **Sổ đăng ký cổ đông** cho Công ty V. Ngày 04/5/2011, Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư TTHuế đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH khách sạn H2 {ông M-người của Công ty V làm chủ tịch hội đồng thành viên; Công ty V sở hữu 52.750.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ vốn góp 52,75%}. Ngày 10/6/2011, Công ty TNHH khách sạn H2 đổi tên lại thành Công ty cổ phần khách sạn H2 {ông M là Chủ tịch hội đồng quản trị; Công ty V sở hữu 52.750.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ vốn góp 52,75%}. Ông Đ, bà L cho rằng Công ty V không trả tiền mua cổ phần cho Ông Bà mà chuyển tiền vào Công ty cổ phần khách sạn H2 để hợp tác kinh doanh nên có Đơn yêu cầu Phòng đăng ký kinh doanh hủy các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có tên Công ty V sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần khách sạn H2. Ngày 28/9/2012, Phòng đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định 01/QĐ-ĐKKD thu hồi các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có tên Công ty V sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần khách sạn H2; khôi phục hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 15/6/2010 (không có tên Công ty V sở hữu cổ phần). Công ty V khởi kiện vụ án hành chính đối với Phòng đăng ký kinh doanh yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 01/QĐ-ĐKKD ngày 28/9/2012 của Phòng đăng ký kinh doanh. Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bản án hành chính phúc thẩm của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng bị Quyết định giám đốc thẩm số 03/2016/HC-GĐT ngày 15/3/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy, lý do để chờ kết quả giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần*” giữa ông Đ, bà L với Công ty V. Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã thụ lý lại vụ án hành chính, số thụ lý 03/2016/TLST-HC ngày 05/5/2016, nhưng tạm đình chỉ chờ kết quả giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần*” này.

Về nội dung các Bản án kinh doanh thương mại mà Tòa án các cấp đã giải quyết, nội dung kháng cáo đã được nêu tại phần trên. Nay tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự trong vụ án hòa giải được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Công ty cổ phần khách sạn H2 {mã số doanh nghiệp 3300311072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp; theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/6/2017) gồm 05 cổ đông là ông Nguyễn Xuân Đ, ông Đoàn Quốc B1, bà Lê Thị Minh L, ông Lê Minh Q và bà Trần Thị Ngọc L1. Ngày 28/08/2017, đủ 05 cổ đông của Công ty cổ phần khách sạn H2 đã họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017, thống nhất giao cho ông Nguyễn Xuân Đ (Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc Công ty) được quyền thay mặt tất cả các cổ đông của Công ty ký kết các Văn bản với Công ty V và làm việc với Tòa án các cấp để giải quyết mọi tranh chấp liên quan, nảy sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 18/4/2011. Công ty Cổ phần V Thừa Thiên Huế theo danh sách chốt sổ cổ đông ngày 24/3/2017 gồm 09 cổ đông góp vốn là Lê Phương Linh, Lê Văn M, Lê Thị Kim O, Nguyễn Thị Mai Th1, Lê Minh T1, Bùi Hồng Ph1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Thái Ph2, Hồ Quỳnh L3. Ngày 29/8/2019, đủ 09 cổ đông của Công ty Cổ phần V Thừa Thiên Huế họp đại hội cổ đông bất thường thống nhất giao cho bà Lê Thị Kim O (Tổng giám đốc Công ty) được quyền thay mặt tất cả các cổ đông của Công ty ký kết các Văn bản với Công ty Cổ phần khách sạn H2, ông Đ, bà L và làm việc với Tòa án các cấp để giải quyết mọi tranh chấp liên quan, nảy sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 18/4/2011.

Vào các ngày 31/8/2017, 14/12/2017, ông Đ, bà L, đại diện Công ty V, đại diện Công ty cổ phần khách sạn H2, ông Lê Văn M xác lập ***Thỏa thuận giải quyết*** và ***Thỏa thuận giải quyết*** số 141217/2017/TTGQ, với các nội dung cơ bản là: Ông Đ, bà L và Công ty Cổ phần khách sạn H2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V 55.000.000.000 đồng, nhưng Công ty V đồng ý để lại cho Công ty Cổ phần khách sạn H2 giữ 1.000.000.0000 đồng để sau này sử dụng vào việc chi trả các khoản lưu trú của Công ty V tại Khách sạn H2 nên Công ty H2 có trách nhiệm chuyển ngay 54.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty V mở tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế, đồng thời ủy quyền cho Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế phong tỏa số tiền này; các bên sẽ ký các Văn bản liên quan gửi đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo hướng công nhận thỏa thuận của các bên và gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế rút Đơn khởi kiện vụ án hành chính thụ lý số 03/2016/TLST-HC ngày 05/5/2016 để Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; sau khi có Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thì một trong các bên sẽ nộp bản sao Bản án, Quyết định nêu trên cho Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế và Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế lập tức giải tỏa

ngay vô điều kiện toàn bộ số tiền 54.000.000.000 đồng đã có tại tài khoản của Công ty V mở tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

Thực hiện **Thỏa thuận giải quyết** số 141217/2017/TTGQ ngày 14/12/2017 nêu trên thì:

+ Vào lúc 13h01' ngày 15/12/2017, Công ty cổ phần khách sạn H2 đã chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần V Thừa Thiên Huế mở tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế số tiền 54.000.000.000 đồng, được Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế có Văn bản đề ngày 15/12/2017 xác nhận;

+ Ngày 15/12/2017, Công ty Cổ phần V đã làm Đơn xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện vụ án hành chính mà Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã thụ lý vụ án số 03/2016/TLST-HC ngày 05/5/2016 nên tại Quyết định số 18/2017/QĐST-HC ngày 21/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

+ Ngày 15/12/2017 các bên đương sự đã ký **Đơn đề nghị** gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với các nội dung cơ bản: Công ty V được hưởng 54.000.000.000 đồng mà Công ty cổ phần khách sạn H2) đã chuyển vào tài khoản của Công ty V tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh Thừa Thiên Huế ngày 15/12/2017 (riêng khoản tiền 1.000.000.000 đồng mà Công ty cổ phần khách sạn H2 còn phải trả cho Công ty V thì hai bên đã Thỏa thuận riêng tại **Thỏa thuận giải quyết** số 141217/2017/TTGQ ngày 14/12/2017 nên không yêu cầu Tòa án công nhận trong vụ án này); Công ty V không phải thanh toán cho vợ chồng ông Đ, bà L khoản tiền lãi 16.204.800.000 đồng (tính từ ngày 01/6/2011 đến ngày 10/01/2013 của số tiền mua cổ phần chậm thanh toán 52.750.000.000 đồng) hay bất cứ khoản tiền nào khác nảy sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 18/4/2011 theo nội dung của Bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; các bên đương sự trong vụ án rút lại và từ bỏ vĩnh viễn mọi yêu cầu, cáo buộc lẫn nhau đã thể hiện tại các đơn khởi kiện, đơn phản tố và các tài liệu liên quan khác đã thể hiện tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; ông Đ, bà L và Công ty V thống nhất mỗi bên chịu 50% án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Xét thấy, những người tham gia ký kết **Thỏa thuận giải quyết** số 141217/2017/TTGQ ngày 14/12/2017, **Đơn đề nghị** gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề ngày 15/12/2017 đã đủ tư cách đại diện hợp pháp cho các

bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án này và đại diện cho các bên đương sự trong vụ án đã có mặt đầy đủ tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay; thỏa thuận của những người này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 30, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm a, khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Công ty Cổ phần V Thừa Thiên Huế được hưởng 54.000.0000.000 đồng (năm mươi tư tỷ đồng) mà Công ty cổ phần khách sạn H2 đã chuyển vào tài khoản của Công ty Cổ phần V Thừa Thiên Huế mở tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế ngày 15/12/2017;

2. Công ty Cổ phần V Thừa Thiên Huế không phải thanh toán cho vợ chồng ông Đ, bà L khoản tiền lãi 16.204.800.000 đồng (tính từ ngày 01/6/2011 đến ngày 10/01/2013 của số tiền mua cổ phần chậm thanh toán 52.750.000.000 đồng) hay bất cứ khoản tiền nào khác nảy sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 18/4/2011 mà Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã đề cập.

3. Các bên đương sự trong vụ án rút và từ bỏ vĩnh viễn mọi yêu cầu, cáo buộc lẫn nhau đã thể hiện tại các đơn khởi kiện, đơn phản tố và các tài liệu liên quan khác đã thể hiện tại nội dung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về án phí:

Ông Đ, bà L và Công ty Cổ phần V Thừa Thiên Huế mỗi bên chịu 50% án phí sơ thẩm là 82.420.457 đồng (164.840.913 đồng/2); mỗi bên chịu 50% án phí phúc thẩm là 1.000.000 đồng (2.000.000 đồng/2). Như vậy, ông Đ, bà L và

Công ty Cổ phần V mỗi bên phải nộp 83.420.457 đồng tiền án phí.

Ông Đ, bà L đã nộp tạm ứng án phí 62.302.000 đồng (nộp 62.102.000 đồng và 200.000 đồng tại các Biên lai thu tiền số 006176, 006181 cùng ngày 24/01/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H1), nên phải nộp thêm 21.118.457 đồng (83.420.457 đồng – 62.302.000 đồng).

Công ty Cổ phần V Thừa Thiên Huế đã nộp tạm ứng án phí 145.765.910 đồng {gồm nộp 68.656.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 004943 ngày 27/12/2013 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; nộp 76.609.910 đồng tại Biên lai thu tiền số 005248 ngày 18/7/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; nộp 200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 005050 ngày 21/8/2014 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 005187 ngày 08/5/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế), nên được hoàn lại 62.345.453 đồng (145.765.910 đồng - 83.420.457 đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà

Trương Minh Tuấn

Đặng Kim Nhân